

Việt Ngữ

I. CHỮ CÁI: Tiếng Việt có 29 chữ cái:

**A Ă Â B C D Đ E Ê G H I K L M N O Ô Ơ P
Q R S T U Ư V X Y**

ii. DẤU THANH: Gồm có 5 dấu:

Dấu sắc	´
Dấu huyền	`
Dấu hỏi	?
Dấu ngã	~
Dấu nặng	.

iii. NGUYÊN ÂM: 12 CHỮ- VOWELS

A Ă Â E Ê I O Ô Ơ U Ư Y

IV. PHỤ ÂM: 17 CHỮ- CONSONANTS

**B C D Đ G H K L M N P Q R
S T V X**

V. PHỤ ÂM KÉP: 11 CHỮ- COMBINED CONSONANTS

CH GH GI KH NH NG NGH PH QU TH TR

ai ao au

Đàn cấp Ba

AI đọc như “I” trong chữ “Hi”

- AO đọc như “OW” trong chữ “NOW”
- AU đọc như AO nhưng không kéo dài

I. Ghép thành chữ:

c + ai + ' = cái	ch + ao + ' = cháo	r + au = rau
tr + ai + . = trại	g + ao + . = gạo	s + au + ' = sáu
g + ai + ~ = gãi	t + ao + ' = táo	t + au + ` = tàu

II. Đọc những câu sau đây:

1. Mai hái trái vải.
2. Ba bảo chị có bao gạo.
3. Dì Sáu lau bàn sau khi ăn cơm.

oi ôi

I. Ghép thành chữ:

n + oi + ' = nói	th + ôi + ? = thổi	r + oi = roi
g + oi + . = gọi	r + ôi + ` = rồi	s + oi + . = sợi
v + oi = voi	m + ôi = môi	b + oi = bơi

II. Đọc những câu sau đây:

1. Con voi có cái vòi.
2. Tôi thổi còi thổi nay.
3. Em đi bơi với mẹ.

ui

I. Ghép thành chữ:

c + ui + ? = củi	g + ui + ? = gửi
b + ui + . = bụi	ng + ui + ? = ngủi
m + ui + ~ = mũi	

II. Đọc những câu sau đây:

1. Chú Lu lên núi tìm củi.
2. Di Thư gửi thư cho bà vui.
3. Em có mũi để ngửi mùi thơm.

eo oa oe

I. Ghép thành chữ:

k + eo + . = kẹo	đ + oa + ' = dóa	x + oe + ` = xòe
m + eo + ` = mèo	h + oa = hoa	kh + oe + ' = khóe
l + eo = leo	t + oa + ? = tóa	l + oe + ` = lòe

II. Đọc những câu sau đây:

1. Con mèo trèo cây cau, kêu meo meo. (cau: areca nuts)
2. Mẹ Thoa cho mẹ dóa hoa và xoa đầu em.
3. Áo của Hoa đỏ hoe thật lòe lẹt. (lòe loẹt: flashy, gaudy)

ia ua ưã

I. Ghép thành chữ:

m + ia + ' = mía	m + ua + ' = mùa	m + ua = mưa
d + ia + ~ = đĩa	b + ua + ' = búa	c + ua + ? = cửa
th + ia + ` = thìa	l + ua + ' = lúa	ch + ua = chưa

II. Đọc những câu sau đây:

1. Con cá lia thia ở trong đĩa.
2. Mùa Thu, em và mẹ đi chùa.
3. Trưa nay, cha đưa em về.

âu iu êu

I. Ghép thành chữ:

n + âu + ' = nấu	ch + iu + . = chịu	l + êu + ` = lều
g + âu + ' = gấu	r + iu + ` = rìu	y + êu + ' = yếu
đ + âu + ` = đầu	đ + iu + ` = điù	ph + êu + ~ = phễu

II. Đọc những câu sau đây:

- Ba đi câu cá, có đầu cá cho mẹ nấu canh chua.**
- Ông thợ ở chỗ điù hiu, ông có cái rìu bửa củi.** (điù hiu: gloomy & isolated)
- Em bị trêu ghẹo (trêu ghẹo: tease), em mếu máo (mếu máo: on the verge of tears) thưa mẹ (thưa mẹ: tell mom) để anh bị la.**

ưu ay ây

I. Ghép thành chữ:

c + ưu + ' = cứu	th + ay = thay	m + ây = mây
c + ưu + ` = cừu	ch + ay = chay	d + ây + . = dạy
m + ưu = mưu	gi + ay + ` = giày	th + ây + ' = thấy

II. Đọc những câu sau đây:

- Nó tìm mưu kế để được lưu lại Mỹ cho lâu.** (mưu kế: scheme; lưu lại: to detain)
- Tý chạy nhảy bị té gãy tay.**
- Cậu Bảy ở Tây, lầy lẫm ngày nghỉ qua Mỹ chơi.**

am âm ăm

I. Ghép thành chữ:

th + am = tham	ăm + ~ = ăm	c + âm = cam
c + am = cam	r + ăm + ` = rằm	ch + âm + . = chạm
l + am + ` = làm	t + ăm + ' = tắm	t + âm = tam

II. Đọc những câu sau đây:

1. **Muốn ăn cam thì phải chăm làm.**
2. **Mẹ tắm cho bé, bé muốn mẹ ẵm, mẹ bảo bé hư lắm!**
3. **Tâm chạy chậm lại vì thầy cấm chạy nhanh.**

ac ăc âc

I. Ghép thành chữ:

b + ac + ' = bác

l + ac + . = lạc

kh + ac + ' = khác

t + ăc + ' = tắc

m + ăc + . = mặc

l + ăc + ' = lắc

gi + âc + ' = giấc

b + âc + ' = bắc

nh + âc + ' = nhắc

II. Đọc những câu sau đây:

1. **Các em đi theo cô, kéo đi lạc.**
2. **Mẹ nhắc ba mặc áo ấm.**
3. **Ông già yếu khi lên bậc thang, ông nhắc chân không nổi.**

ap ăp âp

I. Ghép thành chữ:

th + ap + ' = tháp

đ + ap + . = đạp

ph + ap + ' = pháp

g + ăp + . = gặp

s + ăp + ' = sắp

ch + ăp + ' = chắp

m + âp + . = mập

v + âp + ' = vắp

h + âp + ' = hắp

II. Đọc những câu sau đây:

1. **Chú Giáp ráp xe đạp mua ở Pháp.**
2. **Bé gặp Bác chắp tay chào.**
3. **Chó háp tắp mà vắp ngã.**

at ăt ât

I. Ghép thành chữ:

kh + at + ' = khát

c + at + ' = cát

l + at + . = lạt

đ + ăt + ' = dất

d + ăt + ' = dất

ch + ăt + . = chặt

th + ât + . = thật

r + ât + ' = rất

nh + ât + ' = nhất

II. Đọc những câu sau đây:

1. Em hát nhiều, em khát nước.
2. Em nắm tay mẹ cho chặt, mẹ dắt em qua đường.
3. Bé rất chăm học nên bé được hạng nhất.

en ên in

I. Ghép thành chữ:

l + en = len

đ + en + ` = đèn

k + en + ` = kèn

m + ên + ` = mèn

t + ên = tên

n + ên + ' = nển

gi + in + ` = gìn

nh + in + . = nhịn

ch + in + ' = chín

II. Đọc những câu sau đây:

1. Bà đan áo len màu đen.
2. Bé nằm lên trên cái mền.
3. Mười điều nhịn, chín điều lành. (nhịn: to suppress one's anger; to endure a bad situation)